

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-02-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 568/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy Th, sinh năm 1980; thường trú: Thôn Chợ, xã B, huyện T, tỉnh H; địa chỉ liên hệ: Số 62, đường số 1, Trung tâm hành chính Thành phố A, khu phố Đ 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Hiền D, sinh năm 1989; thường trú: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh N; địa chỉ cư trú: Số 26/31, khu phố Đ 1, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy Th trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Th và chị Bùi Thị Hiền D là vợ chồng, tự nguyện chung sống rồi tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2010 cấp ngày 31/5/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã B, huyện T, tỉnh H. Đến năm 2012, chuyển vào thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống tại đây. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Anh Th xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với chị D.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Th và chị D có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan Th, sinh ngày 26/11/2011 và cháu Nguyễn Hữu Đức T, sinh ngày 11/11/2013. Sau khi hai vợ chồng ly thân, hai cháu sinh sống cùng anh Th. Nay anh Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 16/12/2022, bị đơn chị Bùi Thị Hiền D trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của anh Th về thời gian hai vợ chồng tìm hiểu, chung sống cũng như đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn qua tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với anh Th.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan Th, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Hữu Đức T, sinh ngày 11/11/2013. Khi ly hôn chị D đồng ý giao 02 con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa anh Th và chị D đã thực sự trầm trọng, các đương sự cũng thừa nhận vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn nên có căn cứ giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung chị D đồng ý giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th về việc không yêu cầu chị

D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Anh Nguyễn Duy Th khởi kiện chị Bùi Thị Hiền D yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị Hiền D có nơi cư trú tại Số 26/31, khu phố Đ 1, phường A, thành phố A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Th và chị Bùi Thị Hiền D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 31/5/2010, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Th và chị D đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Anh Th và chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Th đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai không có giải pháp nào để khắc phục và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Th yêu cầu được ly hôn với chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan Th, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Hữu Đức T, sinh ngày 11/11/2013. Chị D đồng ý giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và chị không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị D đồng ý giao con chung cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng, từ khi hai vợ chồng sống ly thân thì hai cháu sống chung với anh Th và được anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Anh Th không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Do đó cần giao 02 cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 229, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy Th đối với chị Bùi Thị Hiền D về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Th được ly hôn với chị Bùi Thị Hiền D (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2010).

- Về con chung: Chị Bùi Thị Hiền D có trách nhiệm giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan Th, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Hữu Đức T, sinh ngày 11/11/2013 cho anh Nguyễn Duy Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th về việc không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Duy Th và chị Bùi Thị Hiền D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000794 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam